TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/01/2025
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TỐNG VĂN TƯ**
2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 198/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **THÁI BÌNH THANH T,** sinh năm 1993
Địa chỉ: 0, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh **LÊ HỮU N,** sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai không đề ngày 06/9/2024, nguyên đơn chị Thái Bình Thanh T trình bày:

Chị và anh N đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện G, tỉnh B năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm, không hoà hợp, đã ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Con chung có 01 cháu tên Lê Thái Khả H, sinh ngày 19/10/2019, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hữu N không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt và anh N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của chị T có trong hồ sơ vụ án, chị cho rằng chị và anh N đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh B năm 2019. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hoà hợp được, đã ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo luật định cho anh N để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp bất kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ gì đến Tòa. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T.

Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xét, tiếp tục giao cháu Lê Thái Khả H, sinh ngày 19/10/2019 cho chị T nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu H đã sống ổn định với chị T từ khi anh chị ly thân. Đồng thời, anh N cũng không có văn bản ý kiến gì về việc này. Từ đó, tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị T xác định không có cũng như anh N không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thái Bình Thanh T. Cho chị Thái Bình Thanh T được ly hôn anh Lê Hữu N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Thái Khả H , sinh ngày 19/10/2019 cho chị T nuôi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015846 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tænh Tieàn Giang;*
- *VKSND huyeän C;*
- *Chi cuïc THADS huyeän C;*
- *UBND xã B;H. G; BT;*
- *Caùc ñöông söï;*
- *Löu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Xuân Lam